

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VU GIA

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ VU GIA SAU SẮP NHẬP NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 403/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Vu Gia)

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện Đại Lộc (cũ) giao năm 2025	Trong đó			Dự toán xã Vu Gia sau sắp nhập
			Đại Cường	Đại Minh	Đại Phong	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	47.840.792	21.343.191	13.836.161	12.661.440	47.840.792
I	<u>Thu phát sinh kinh tế (thu nội địa)</u>	2.533.000	861.000	1.096.000	576.000	2.533.000
1	Các khoản thu 100%	1.083.000	521.000	336.000	226.000	1.083.000
	- Lệ phí môn bài các cá nhân, hộ SXKD	83.000	16.000	46.000	21.000	83.000
	- Phí, lệ phí	90.000	30.000	30.000	30.000	90.000
	- Thu đất 5% và hoa lợi công sản	480.000	330.000	115.000	35.000	480.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	350.000	115.000	115.000	120.000	350.000
	- Thu khác	80.000	30.000	30.000	20.000	80.000
2	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ	1.450.000	340.000	760.000	350.000	1.450.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	800.000	220.000	370.000	210.000	800.000
	- Thuế GTGT từ các hộ cá nhân, hộ SXKD	650.000	120.000	390.000	140.000	650.000
II	<u>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</u>	45.307.792	20.482.191	12.740.161	12.085.440	45.307.792
	- Thu trợ cấp cân đối thường xuyên	15.420.000	5.060.000	4.925.000	5.435.000	15.420.000
	- Thu trợ cấp mục tiêu theo KH	29.887.792	15.422.191	7.815.161	6.650.440	29.887.792
	+ Mục tiêu XD CB	5.790.454	2.909.387	2.146.143	734.924	5.790.454
	+ Mục tiêu thường xuyên	24.097.338	12.512.804	5.669.018	5.915.516	24.097.338

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VŨ GIA

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ VŨ GIA SAU SẮP NHẬP NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 403/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Vũ Gia)

Nội dung	Dự toán HĐND huyện Đại Lộc (cũ) giao năm 2025	Trong đó			Dự toán xã Vũ Gia sau sắp nhập
		Đại Cường	Đại Minh	Đại Phong	
A-Tổng chi ngân sách xã	47.840.792	21.343.191	13.836.161	12.661.440	47.840.792
I. Chi đầu tư phát triển	5.790.454	2.909.387	2.146.143	734.924	5.790.454
Ngân sách huyện (SDB)	4.790.454	2.909.387	1.146.143	734.924	4.790.454
Nguồn ngân sách tỉnh (SDB)	0	-	-	-	-
Nguồn sách tỉnh (TT, TKC)	0	-	-	-	-
Nguồn ngân sách tập trung	1.000.000		1.000.000		1.000.000
II. Chi thường xuyên	41.335.638	18.279.304	11.418.818	11.637.516	41.335.638
1. Chi quốc phòng	427.558	145.644	141.993	139.921	427.558
a. Chi hoạt động theo định mức	216.000	72.000	72.000	72.000	216.000
b. Bổ sung mục tiêu	211.558	73.644	69.993	67.921	211.558
2. Chi an ninh địa phương	882.000	328.000	277.000	277.000	882.000
a. Chi hoạt động theo định mức	216.000	72.000	72.000	72.000	216.000
b. Bổ sung mục tiêu	666.000	256.000	205.000	205.000	666.000
3. Chi sự nghiệp giáo dục	3.489.330	2.639.330	810.000	40.000	3.489.330
a. Chi hoạt động theo định mức	120.000	40.000	40.000	40.000	120.000
b. Bổ sung mục tiêu	3.369.330	2.599.330	770.000	-	3.369.330
4. Chi sự nghiệp y tế	174.000	62.000	56.000	56.000	174.000
a. Chi hoạt động theo định mức	90.000	30.000	30.000	30.000	90.000
b. Bổ sung mục tiêu	84.000	32.000	26.000	26.000	84.000

Nội dung	Đại Lược (cũ) giao năm 2025				Đại Minh	Đại Phong	sau sáp nhập
	Đại Cường	Đại Minh	Đại Phong	Đại Cường			
5. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	729.000	275.000	284.000	170.000			729.000
a. Chi hoạt động theo định mức	360.000	120.000	120.000	120.000			360.000
b. Bổ sung mục tiêu	369.000	155.000	164.000	50.000			369.000
6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	240.000	80.000	80.000	80.000			240.000
7. Chi sự nghiệp TDTT	240.000	80.000	80.000	80.000			240.000
8. Chi sự nghiệp môi trường	252.000	80.000	80.000	92.000			252.000
9. Chi sự nghiệp kinh tế	6.710.000	1.300.000	2.000.000	3.410.000			6.710.000
a. Chi hoạt động theo định mức	600.000	200.000	200.000	200.000			600.000
b. Bổ sung mục tiêu	6.110.000	1.100.000	1.800.000	3.210.000			6.110.000
10. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	4.883.097	835.481	1.224.854	2.822.762			4.883.097
a. Chi hoạt động theo định mức	300.000	100.000	100.000	100.000			300.000
b. Bổ sung mục tiêu	4.583.097	735.481	1.124.854	2.722.762			4.583.097
11. Chi quản lý hành chính	23.223.653	7.455.344	7.347.741	8.420.568			23.223.653
a. Chi hoạt động theo định mức	14.360.000	4.780.000	4.745.000	4.835.000			14.360.000
<i>Trong đó: Mua sắm thiết bị và vận hành hệ thống công nghệ thông tin chính quyền (100 triệu đồng/xã)</i>	300.000	100.000	100.000	100.000			300.000
b. Chi từ nguồn tăng thu ngân sách xã (Chênh lệch dự toán 2025 so với năm 2023)	159.300	67.800	75.000	16.500			159.300
c. Bổ sung mục tiêu	8.704.353	2.607.544	2.527.741	3.569.068			8.704.353
12. Chi khác	85.000	28.000	28.000	29.000			85.000
III Dự phòng	343.000	113.000	114.000	116.000			343.000
IV. Chi tạo nguồn CCTL	371.700	158.200	175.000	38.500			371.700
B. Tiết kiệm 10%	466.000	155.000	155.000	156.000			466.000